|  |  |
| --- | --- |
| **Đơn vị** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**BÁO CÁO**

**Nhóm chuyên đề về Công tác tổ chức bộ máy, quản lý, nhân sự,**

**đào tạo, bồi dưỡng, chế độ chính sách**

**I. Khái quát đặc điểm tình hình của đơn vị**

***1*.*1. Về công tác tổ chức bộ máy, quản lý:***

***1.2. Nhân sự:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Số người được giao  theo quyết định  UBND Quận | Số người  làm việc  thực tế | Số người  hưởng lương  từ ngân sách | Tuyển mới /lao động hợp đồng (hưởng lương từ ngân sách) | | Thừa,  thiếu | Số người hợp đồng trả lương bằng ngân sách |
| Giáo viên | Nhân viên |
| 2015 – 2016 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2016 – 2017 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2017 – 2018 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2018 – 2019 |  |  |  |  |  |  |  |

***1.3. Công tác quy hoạch:***

***1.4. Công tác đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Số lượng  người  toàn ngành | Tiếng  Anh | Tin  học | Học nâng chuẩn chuyên môn | | | | Chính trị | | Cán bộ  quản  lý |
| Cao  đẳng | Đại  học | Thạc  sĩ | Tiến  sĩ | Trung  cấp | Cao  Cấp |
| 2015 – 2016 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2016 – 2017 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2017 – 2018 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2018 – 2019 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

***1.5. Thực hiện chế độ chính sách:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Nâng  lương  thường  xuyên | Nâng  lương  trước  thời hạn | Phụ cấp  ưu đãi  (244) | PCUĐ  Y tế | Phụ  cấp  TNNG | Phụ cấp  chức vụ  HT, PHT,  TT, TP | PC  người  HD  tập sự | PC  kế  toán | Trả  lương  thêm  giờ | Trợ  cấp  thôi  việc | Phụ  cấp  khác |
| 2015 – 2016 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2016 – 2017 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2017 – 2018 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2018 – 2019 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Khen  thưởng  LĐTT | Kỷ  luật | Chuyển từ ngạch sang hạng  chức danh nghề nghiệp | | | | Chưa  chuyển  hạng  CDNN | Hợp  đồng  làm  việc | Hợp  đồng  68 | Hợp  đồng  trường |
| Hạng  I | Hạng  II | Hạng  III | Hạng  IV |
| 2015 – 2016 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2016 – 2017 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2017 – 2018 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2018 – 2019 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**2. Nhận xét**

**Ưu điểm:**

**Hạn chế:**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **HIỆU TRƯỞNG** |